

Số: 54/KH-TrMN

Lương Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025– 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi chương trình giáo dục Mầm non;

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Thực hiện công văn số 3261/QĐ- UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 Quyết định Về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 4222/BGDĐT ngày 27/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026

Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ từng độ tuổi. Trường Mầm non Đồng Sơn xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA NHÀ TRƯỜNG, ĐỊA PHƯƠNG

Địa điểm trụ sở chính:

Thôn Tân Ốc 1, xã Lương Minh, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0902138568, địa chỉ email: c0dongsonhb.quangninh@moet.edu.vn.

Quá trình thành lập và phát triển: Trường mầm non Đồng Sơn nằm trên địa bàn xã Lương Minh, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình thành lập và phát triển: Trường được tách ra từ trường HT&THCS Đồng Sơn, được thành lập từ tháng 8/1910 và phát triển cho đến nay. Trường được Giám đốc Sở GD&ĐT Quảng Ninh công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 147/QĐ-SGD ngày 25/02/2020 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh). Đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 148/QĐ-SGD ngày 25/02/2020 Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

Những đặc điểm chính:

Về điều kiện tự nhiên và xã hội: Trường mầm non Đồng Sơn là đơn vị trực thuộc UBND xã Lương Minh. Trường nằm trên địa bàn trung tâm xã Lương Minh. Đảng bộ, chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế- xã hội, có sự quan tâm đúng mức tới sự nghiệp giáo dục của địa phương, nhận thức của

nhân dân phần lớn là tốt, có hiểu biết sâu rộng về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non.

Cơ cấu tổ chức: Trường có tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 34 người. Trong đó: Cán bộ quản lý 03 người (1 Hiệu trưởng, 2 phó Hiệu trưởng); giáo viên: 21 người; nhân viên nấu ăn 04 người; nhân viên bảo vệ: 05 người.

Trình độ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn: $25/25 = 100\%$ trong đó trên chuẩn: $23/25 = 92\%$.

+ Năm học 2025-2026 nhà trường có tổng số 14 nhóm/ lớp với 224 cháu.

Cơ sở vật chất: Trường gồm 06 điểm trường (01 điểm chính, 05 điểm trường lẻ), Trường có: 01 phòng HT, 01 phòng PHT, 01 phòng Quảng trị, 01 phòng y tế, 01 văn phòng, 01 phòng hội trường, 01 phòng nghệ thuật; có 14 phòng học kiên cố (trong đó có 02 phòng học nhờ phòng công vụ giáo viên); có công trình vệ sinh khép kín; có 03 bếp ăn đạt tiêu chuẩn bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm... tất cả đều xây dựng kiên cố và đủ diện tích đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đầy đủ, an toàn. Tình hình cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu chăm sóc và giáo dục trẻ và đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của phụ huynh học sinh.

Phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn xã luôn quan tâm, ủng hộ nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục học sinh.

Các tổ chức trong nhà trường gồm:

+/ Có một Chi bộ đảng: 22 đảng viên; Trục thuộc Đảng bộ xã Lương Minh. Đoàn Thanh niên gồm: 11 đoàn viên; Trục thuộc Đoàn Thanh niên xã Lương Minh.

+/ Có 02 tổ chuyên môn và 01 Tổ văn phòng.

2. Thuận lợi.

- Được sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Ngành và bộ phận mầm non, sự quan tâm của chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và của các bậc phụ huynh.

- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của nhà nước; nội quy, quy định của ngành và của nhà trường. Trường có đội ngũ giáo viên trẻ, hỗ trợ đắc lực trong các phong trào thi đua.

- Phụ huynh quan tâm phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Khó khăn:

- Năm học 2025-2026 nhà trường thiếu 02 phòng học tại điểm trường (Phủ Liễn, Khe Nội). Nhà trường bố trí sắp xếp 01 nhóm trẻ học tại phòng công vụ Khe Nội với 7 cháu; lớp 3 tuổi Phủ liễn là 15 cháu.

- Một số giáo viên trẻ mới vào nghề, khả năng thực hiện chương trình giáo dục mầm non còn hạn chế, một số giáo viên lớn tuổi tiếp cận với công nghệ thông tin chậm nên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng giảng dạy của nhà trường.

III. ĐỘ TUỔI TRẺ NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

A. MỤC TIÊU- NỘI DUNG ĐỘ TUỔI TRẺ NHÀ TRẺ

1. Mục tiêu – Nội dung chung

1.1. Mục tiêu:

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

*** Phát triển thể chất**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

*** Phát triển nhận thức**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

*** Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

1.2. Nội dung

1.2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
12 - 18 tháng	Cháo + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ		
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

+) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

+) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

b. Giáo dục phát triển nhận thức

+) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

+) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
 - Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
 - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
 - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

+) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

+) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

+) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

d. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

+) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

+)*Phát triển kỹ năng xã hội*

- Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.

- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

+)*Phát triển cảm xúc thẩm mỹ*

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh[28].

2. Mục tiêu – nội dung cụ thể

(Biểu mẫu kèm theo 01)

B. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục.

+)*Hoạt động giao lưu cảm xúc.*

+)*Hoạt động với đồ vật.*

+)*Hoạt động chơi.*

+)*Hoạt động chơi - tập có chủ định.*

+)*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.*

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cô truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

3. Phương pháp giáo dục

+)*Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm*

+)*Nhóm phương pháp trực quan - minh họa*

+)*Nhóm phương pháp thực hành*

- *Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

- *Trò chơi*

- *Luyện tập*

+)*Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)*

+)*Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương*

C. DỰ KIẾN THỜI GIAN/ CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

(Biểu mẫu kèm 02)

IV. ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU- NỘI DUNG ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

1. Mục tiêu – Nội dung chung

1.1 Mục tiêu:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất.**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức.**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

*** Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

*** Phát triển thẩm mỹ.**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

1.2.Nội dung

1.2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a.Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

+) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.

- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.

- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

+) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.

- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

b. Giáo dục phát triển nhận thức

+) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.

- Đồ vật.

- Động vật và thực vật.

- Một số hiện tượng tự nhiên.

+) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.

- Xếp tương ứng.

- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.

- Đo lường.

- Hình dạng.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

+) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.

- Trường mầm non.

- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

+) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

+) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

+) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

d. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

+) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

+) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

e. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

+) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

f) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

+) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

2. Mục tiêu – nội dung cụ thể

(Biểu mẫu kèm theo 03,04)

B. MỤC TIÊU- NỘI DUNG ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5 TUỔI

1. Mục tiêu – Nội dung chung

1.2 . Mục tiêu:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1.1.1. Thể chất.

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực thể chất được phản ánh thông qua: sức khỏe thể chất; thực hiện các kỹ năng vận động; hiểu biết, thực hành dinh dưỡng, vệ sinh và an toàn.

- Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (Không cần nhắc nhở)
- Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất.
- Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi.
- Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.
- Trẻ thực hiện phối hợp các vận động : đi lên – xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật, leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ;
- Chạy nhanh 20m trong 5- 6 giây.
- Phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ.
- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình và dán vào đúng vị trí;
- Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ.
- Trẻ em thực hiện ăn, uống lành mạnh và có thói quen vệ sinh cơ bản.
- Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe.
- Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân);
- Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi.
- Biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn.
- Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa, kêu cứu, thông báo với người khác...)
- Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người khác cảm thấy mệt, đau, mất ngủ, buồn nôn...)

1.1.2. Tình cảm - xã hội

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực tình cảm – xã hội được phản ánh thông qua: nhận thức bản thân và năng lực quan hệ xã hội.

- Trẻ nhận thức được và thể hiện thái độ đối với bản thân.
- Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
- Gọi tên về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, giới tính, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
- Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó.
- Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân.
- Trẻ em có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh.
- Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường.
- Trẻ em ứng xử phù hợp với người khác và môi trường.
- Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường.
- Thể hiện hành vi ứng xử thái độ phù hợp với người khác và môi trường.
- Tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi
- Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp.
- Trẻ em thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác.
- Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra.
- Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi.
- Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác.

1.1.3. Ngôn ngữ và giao tiếp

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực ngôn ngữ và giao tiếp được phản ánh thông qua: Nghe hiểu và biểu đạt thông tin phù hợp trong giao tiếp và sẵn sàng cho việc học đọc, học viết.

- Trẻ em nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp
- Trẻ nghe và nhận từng tiếng trong câu hỏi.
- Trẻ nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản;

- Nói để người khác hiểu;
- Sử dụng giọng nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp.
- Trẻ em thể hiện ngôn ngữ sáng tạo.
- Trẻ diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau;
- Trẻ biết kể truyện theo cách riêng.
- Trẻ em sẵn sàng việc học đọc.
- Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in;
- Trẻ nhận biết được một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;
- Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt;
- Nghe và nhận ra âm giống nhau trong tiếng.
- Trẻ em sẵn sàng việc học viết
- Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết”
- Bắt trước hành vi ‘viết’

1.1.4. Nhận thức:

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực nhận thức được phản ánh thông qua: Hiểu biết và kỹ năng tư duy; vận dụng kiến thức, kỹ năng sơ đẳng để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.

- Trẻ em thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm đo và biểu thị kết quả.
- Tách, gộp số lượng trong phạm vi 10.
- So sánh, thêm bớt số lượng trong phạm vi 10;
- Đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ.
- Trẻ em xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian.
- Xác định một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh.
- Sắp xếp theo quy tắc;
- Xác định vị trí trong không gian theo vật chuẩn;
- Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;
- Xác định giờ đúng trong đồng hồ.
- Trẻ em thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học.

- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên.
- Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;
- Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loại động vật, thực vật với môi trường sống.
- Trẻ em nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số.
- Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn.
- Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.

1.1.5. Thẩm mỹ

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực thẩm mỹ được phản ánh thông qua: cảm thụ cái đẹp và sử dụng nghệ thuật như là phương tiện để thể hiện cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo của bản thân. Các chuẩn, chỉ số trong lĩnh vực này đề cao cảm xúc, ý tưởng của bản thân trẻ em trong các hoạt động nghệ thuật và ứng dụng sáng tạo nghệ thuật vào cuộc sống.

- Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật
- Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật
- Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống.
- Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống.
- Trẻ em sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân.
- Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc.
- Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó.
- Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật.
- Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...)

1.1.6. Tiếp cận với việc học.

Năng lực cơ bản trong lĩnh vực tiếp cận với việc học được phản ánh thông qua một số yếu tố cần thiết hướng đến hình thành các năng lực học tập bền vững sau này, như: tự chủ với việc học và giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

- Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng.
- Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động.
- Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động.
- Hợp tác làm việc với trẻ khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.
- Giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.
- Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân.
- Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

2. Nội dung

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

2.1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.
 - + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
 - + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non. Một bữa chính và một bữa phụ.
 - + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
 - + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
 - Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
 - Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
 - Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống, khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.
- b. Tổ chức ngủ**
 - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
- c. Vệ sinh**
 - Vệ sinh cá nhân.
 - Vệ sinh môi trường. Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
- d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**
 - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
 - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
 - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2.1.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

+) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

+) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

b. Giáo dục phát triển nhận thức

+) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

+) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

+) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

+) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

+) *Nói*

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

+) *Làm quen với việc đọc, viết*

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

d. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

+) *Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

+) *Phát triển kỹ năng xã hội*

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

e. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

+) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

f) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

+) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

2. Mục tiêu – nội dung cụ thể

(Biểu mẫu kèm theo 05)

C. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động chơi

- Hoạt động học

- Hoạt động lao động

- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội
- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

- + Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm
- Phương pháp dùng trò chơi:
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề.
- Phương pháp luyện tập:
- + Nhóm phương pháp trực quan - minh họa
- + Nhóm phương pháp dùng lời nói
- + Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ
- + Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

C. DỰ KIẾN THỜI GIAN/ CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

(Biểu mẫu kèm 06,07,08)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ quản lý:

Căn cứ vào kế hoạch xây dựng các kế hoạch hoạt động khác của nhà trường. Là công cụ để kiểm tra, đánh giá giáo viên về thực hiện công tác chuyên môn.

2. Tổ chuyên môn:

Căn cứ nội dung kế hoạch để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, dự kiến các nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tháng. Dựa vào các nội dung trong kế hoạch để thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động các lớp trong tổ chuyên môn.

3. Giáo viên chủ nhiệm các lớp:

Giáo viên trực tiếp giảng dạy các lớp nhà trẻ, mẫu giáo căn cứ kế hoạch của nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp và phát triển chương trình giáo dục mầm non. Nhà trường cho phép giáo viên các lớp điều chỉnh, phát triển mục tiêu, nội dung phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, sau khi được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

Trên đây là kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ năm học 2025–2026. Kính trình hội đồng trường phê duyệt để kế hoạch được đưa vào sử dụng.

Trong quá trình Tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị có ý kiến hoặc gửi văn bản về Ban giám hiệu nhà trường để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Các phó hiệu trưởng (chỉ đạo tổ CM th/h);
- Tổ chuyên môn (Chỉ đạo gv th/h);
- Giáo viên, nhân viên (ph/h Tổ CM thực hiện);
- Lưu: HSCM.

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Phụng